TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **554**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2024
V/v: tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Đức Thành**

2. Ông Nguyễn Anh Đức

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Bùi Sơn Dũng** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì – thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* **Bà Nguyễn Hoàng Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 457/2024/HNGĐ-ST ngày 11/10/2024, về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 2000

HKTT + Nơi ở: Thôn 1, xã V, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Quách Công Th**, sinh năm 1996

HKTT: Thôn 1, xã V, huyện T, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ (nơi làm việc): Thôn L, xã P, huyện L, Tỉnh Hòa Bình.

(các đương sự có đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Quách Công Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2019 tại UBND xã V, huyện T, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã,

không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên hôn nhân không có hạnh phúc. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không đồng ý đoàn tụ chung sống cùng anh Th nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là Quách Trọng N, sinh ngày 09/8/2019. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Quách Công Th trình bày:**

Anh Th xác nhận lời khai của chị T về quá trình kết hôn, chung sống. Anh Th xác nhận mâu thuẫn giữa anh Th và chị T đã phát sinh hơn một năm nay do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự hòa hợp chia sẻ với nhau. Anh chị đã sống ly thân gần một năm và anh Th đã chủ động ăn ở tại nơi làm việc, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với chị T. Do anh Th đang đi làm xa nhà nên có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án hòa giải và xét xử vụ án.

Về con chung: Anh Th xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Quách Trọng N, sinh ngày 09/8/2019 hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh Th đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp.

Tại phiên tòa:

- Chị T, anh Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

+ Về nội dung: Chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn đã lâu, hôn nhân không hạnh phúc và anh chị đều có quan điểm đồng ý ly hôn. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Quách Trọng N. Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Các đương sự đều có lời khai không có tài sản chung, không tranh chấp nên không xem xét.

Chị T phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Quách Công Th xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 11/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, Hà Nội. Từ năm 2023 anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên hôn nhân không có hạnh phúc. Chị T và anh Th đã sống ly thân gần một năm nay và cùng có quan điểm đồng thuận chấm dứt quan hệ hôn nhân, đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án hòa giải và xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Th đã kéo dài, trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ chung sống. Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Th.

[2]. Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là Quách Trọng N, sinh ngày 09/8/2019. Chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu N, anh Th đồng ý giao con cho chị T chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N hiện do chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục nên để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và học tập của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Trọng N. Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự đều có lời khai không có tài sản chung, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Quách Công Th.

2. Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Quách Trọng N, sinh ngày 09/8/2019. Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm – được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T (biên lai số 0056287 ngày 11/10/2024). Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.